

Bản án số: **41/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 16/8/2019.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thế Hải.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Gia H, sinh năm 1970; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Thị Thảo L1, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn 1, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Gia H tự nguyện sống chung với nhau, có tờ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995. Sau thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng năm năm đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn chính là do ông H ông lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu rồi về

chửi bới, đánh đập bà L. Vì nghĩ đến tương lai của các con nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng tới ngày hôm nay. Trước khi làm đơn ly hôn, bà đã đi vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, vợ chồng ly thân với nhau một thời gian và hiện nay bà đã về lại địa phương nhưng bà và ông H vẫn sống ly thân nhau do ông H thường xuyên uống rượu. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H bà L đã làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông H có hai người con chung là Nguyễn Gia V, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thảo L1, sinh năm 2007. Khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Ngọc L1 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ bà L giao nộp như sau: 01 bản sao giấy khai sinh con chung Nguyễn Ngọc Thảo L1; 01 bản gốc đơn xin xác nhận; 01 bản sao sổ hộ khẩu; 01 bản sao CMND bà L.

Bị đơn - ông L Gia H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau, giữa ông H và bà L chung sống bình thường, tuy nhiên ông H thừa nhận bản thân ông thường uống rượu sau khi đi làm về, bà L không thích ông H uống rượu nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Mỗi lần vợ chồng cãi vã thì bà L gom đồ đạc tư trang bỏ nhà đi, cứ đi rồi về. Thời điểm cách đây khoảng 04 năm thì bà L đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, thỉnh thoảng về nhà chơi rồi đi làm lại nhưng kể từ sau tết nguyên đán năm 2019 đến nay, bà L cứ kiếm chuyện gây gổ rồi sau đó bà L làm đơn ly hôn. Bản thân ông H không muốn ly hôn với bà L mà chỉ muốn vợ chồng hòa thuận về chung sống.

Về con chung: ông H và bà L có hai người con chung như bà L trình bày là đúng, trong đó có một người con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc Thảo L1. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì ông tôn trọng nguyện vọng của cháu Ly về việc lựa chọn sống với cha hoặc mẹ.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Gia H không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Gia H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 06/9/2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

Đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L1, sinh năm 2007 cho đến khi thành niên. Ông Nguyễn Gia H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: đề nghị bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Gia H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L*:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Gia H đều thừa nhận rằng ông bà chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà L cho rằng hôn nhân giữa bà và ông H có hạnh phúc khoảng năm năm kể từ khi từ khi chung sống với nhau. Sau đó vợ chồng không còn sống với nhau hạnh phúc như trước đây. Nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên giữa vợ chồng đã xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Ông H cũng thừa nhận, ông thường uống rượu, ít chăm lo đến gia đình và có xúc phạm bà L. Từ đó bà L đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Mặc dù bản thân ông H đã thừa nhận giữa ông và bà L có nảy sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, nhưng bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà L và không đồng ý ly hôn.

Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H tại địa phương thể hiện đời sống hôn nhân của ông, bà đã có xảy ra mâu thuẫn nên bà L bỏ đi làm nơi khác được khoảng ba năm nay, mâu thuẫn cụ thể vấn đề gì thì địa phương không rõ nhưng thực tế thì địa phương chỉ thấy ông H là người thường xuyên uống rượu, có đôi lúc xảy ra xích mích với hàng xóm láng giềng. Bà L và ông H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn và đã có với nhau hai người con chung, ông H hiện đang

làm nông tại địa phương còn bà L thì đi làm ăn nơi khác. Tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy vì bà L và ông H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng, mặc dù bà L yêu cầu ly hôn nhưng cần tuyên bố không công nhận bà L và ông H là vợ chồng, là phù hợp với quy định tại điều 11 khoản 1 Luật HNGĐ năm 2000; điểm b khoản 3, Nghị quyết số 35/QH10, Nghị quyết của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLTTATC – VKSTC – BTP.

[3] *Xét về yêu cầu nuôi con:* Trong quá trình chung sống, bà L và ông H có với nhau hai người con chung, trong đó một người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Thảo L1, sinh năm 2007 hiện nay đang ở với bà L. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ yêu cầu được quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình xác minh lấy lời khai ông H trình bày trường hợp ông và bà L ly hôn thì ông đồng ý để cho bà L được quyền nuôi con Nguyễn Thị Thảo L1. Còn đối với cháu Ly trong biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa đều trình bày nguyện vọng được ở với bà L khi cha mẹ ly hôn nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thảo L1 cho bà L trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên, ông H được quyền thăm nom chăm sóc con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không xét đến.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 227, 228, 203 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm b khoản 3, Nghị quyết số 35/QH10, Nghị quyết của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLTTATC – VKSNDTC – BTP; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Gia H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Thị Thảo L1, sinh ngày 14/02/2007 cho đến khi thành niên. Ông Nguyễn Gia H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0013153, ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - 16/8/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã ĐK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí